BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Số: **8780/2023**/NBĐNA-PTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2023

PHIẾU TRẢ LỜI
Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động (TTSKN1/2)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (**CHCQT**)

Cục Quản lý lao động ngoài nước đồng ý để Công ty thực hiện hợp đồng đã đăng ký theo Đăng ký hợp đồng số 53/CHCQT ngày 28-03-2023 với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (CHCQT)**

Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số: 1912; ngày cấp: 23-12-2021

2. Hợp đồng ký với đối tác: **AID JIGYO KYODO KUMIAI** , ngày 06-02-2023
3. Người sử dụng lao động: KABUSHIKIGAISHA JHS
4. Nước đến làm việc: Nhật Bản
5. Thời hạn hợp đồng: 3 năm
6. Trợ cấp đào tạo: 60.000 JPY/tháng
7. Mức lương cơ bản: 184.000 JPY/ tháng
8. Vé máy bay: Xí nghiệp tiếp nhận Nhật Bản đài thọ 2 chiều
9. Số lượng: 3 người; trong đó nữ: 0 người
10. Cơ cấu nghề: Các ngành nghề được tiếp nhận TTSKN số 2-3 theo quy định của Nhật Bản (không bao gồm ngành Hộ lý)
11. Phí dịch vụ: 10.000.000 VNĐ; quỹ HTVLNN 100.000 VNĐ; Các chi phí khác: Khám sức khỏe: 1.500.000đ; Hộ chiếu: 200.000đ (lao động tự chi trả); Phí visa: 650.000 VNĐ

Cục Quản lý lao động ngoài nước thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu NBĐNA.
(THANHTAM)

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

〈別添 3〉 / <Attachment 3>

技能実習生候補者のリスト
LIST OF SENT TECHNICAL INTERN TRAINEES

1. ベトナムの認定送出機関の情報 / Information of Vietnamese company

企業名/ Name of Company：CHAU HUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY (CHCQT)

認定番号/ License No. ： 24/LĐTBXH-GP

代表者名/ Name of Representative： TRINH MINH HANG

住所：ベトナム、Hung Yen 省、Van Lam 県、Nhu Quynh 町、Nhu Quynh 字

Address: Nhu Quynh Village, Nhu Quynh Town, Van Lam District, Hung Yen Province, Vietnam

電話番号 / Tel：0815-680-990

2. 日本の監理団体の情報 / Information of Japanese supervising organization

監理団体名/ Name：エイド事業協同組合 – AID JIGYOU CO-OP

代表者名 / Name of Representative：目黒　裕 – MEGURO HIROSHI

住所：岡山県岡山市北区庭瀬 723 番地 1

Address: Okayama Ken Okayama Shi Kita Ku Niwase 723-1

電話番号 / Tel：(+81) 86-368-2002

3. 日本の実習実施者の情報 / Information of Japanese implementing organization

実習実施者名 / Name：株式会社 JHS – KABUSHIKIGAISHA JHS

代表者名 / Name of Representative：木元　裕之 – KIMOTO HIROYUKI

住所：京都府京都市伏見区横大路鍬ノ本 11

Address：Kyoto Fu Kyoto Shi Fushimi Ku Yokoojikuwa No Moto 11

電話番号 / Tel：(+81) 75-612-1133

4. 実習期間 / Practical Period: 3 年 - 3 Years

5. 技能実習生候補者の情報 / Information of technical intern trainees

番号 No.	名前 Name	生年月日 Date of birth	性別 Gender	職業 Occupation	出国予定日 Estimated departure date
1	NGUYEN VAN SY	2000/06/13	男 Male	自動車整備 Automobile repair and maintenance	2023/07/01
2	NGUYEN VAN SON	2001/06/15	男 Male	自動車整備 Automobile repair and maintenance	2023/07/01
3	NGUYEN VAN TRUNG	2003/02/04	男 Male	自動車整備 Automobile repair and maintenance	2023/07/01

このリストの効力は作成日以降 1 年間とします。

This letter of recommendation shall be valid for 01 year.

2023 年 04 月 08 日　作成

海外労働管理局 / Approved by Department of Overseas Labour (DOLAB)

名前・役職：日本、東南アジア部　部長 / Head of Division for Japan, Southeast Asia

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Số: **13277/2023**/NBĐNA-PTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2023

PHIẾU TRẢ LỜI
Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động (TTSKN1/2)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng
(CHCQT)

Cục Quản lý lao động ngoài nước đồng ý để Công ty thực hiện hợp đồng đã đăng ký theo Đăng ký hợp đồng số 128/ĐKHĐ ngày 11-05-2023 với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (CHCQT)**
   Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số: 1912; ngày cấp: 23-12-2021
2. Hợp đồng ký với đối tác: **SHIZUOKA SHISHIMIZU SHOUKOUKAI**, ngày 03-03-2022
3. Người sử dụng lao động: FUJIKOGYO KABUSHIKIGAISHA
4. Nước đến làm việc: Nhật Bản
5. Thời hạn hợp đồng: 3 năm
6. Trợ cấp đào tạo: 60.000 JPY/tháng
7. Mức lương cơ bản: 163.844 JPY/tháng
8. Vé máy bay: Xí nghiệp tiếp nhận Nhật Bản đài thọ 2 chiều
9. Số lượng: 4 người; trong đó nữ: 0 người
10. Cơ cấu nghề: Các ngành nghề được tiếp nhận TTSKN số 1-2 theo quy định của Nhật Bản
11. Phí dịch vụ: 10.000.000 VNĐ; quỹ HTVLNN 100.000 VNĐ; Các chi phí khác: Khám sức khỏe: 1.500.000 VNĐ; Hộ chiếu: 200.000 VNĐ (TTS tự chi trả); Phí visa: 520.000 VNĐ

Cục Quản lý lao động ngoài nước thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu NBĐNA (danh)

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Ánh Hằng

〈別添 3〉/ <Attachment 3>

技能実習生候補者のリスト
LIST OF SENT TECHNICAL INTERN TRAINEES

1. ベトナムの認定送出機関の情報 / Information of Vietnamese company

企業名/ Name of Company：CHAU HUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY (CHCQT)
認定番号/ License No. ： 24/LĐTBXH-GP
代表者名/ Name of Representative： TRINH MINH HANG
住所：ベトナム、Hung Yen 省、Van Lam 県、Nhu Quynh 町、Nhu Quynh 字
Address: Nhu Quynh Village, Nhu Quynh Town, Van Lam District, Hung Yen Province, Vietnam
電話番号 / Tel：0815-680-990

2. 日本の監理団体の情報 / Information of Japanese supervising organization

監理団体名/ Name：静岡市清水商工会 – SHIZUOKASHI SHIMIZU SHOKOKAI
代表者名 / Name of Representative：前澤　侑 – MAEZAWA SUSUMU
住所：静岡県静岡市清水区興津中町 1904 番地
Address: Shizuoka Ken Shizuoka Shi Shimizu Ku Okitsunaka Cho 1904 Banchi
電話番号 / Tel：(+81) 54-369-0431

3. 日本の実習実施者の情報 / Information of Japanese implementing organization

実習実施者名 / Name：富士工業株式会社 – FUJIKOGYO KABUSHIKIGAISHA
代表者名 / Name of Representative： 誉田　一徳 – HONDA KAZUNORI
住所：静岡県静岡市清水区蒲原 5202 番地
Address：Shizuoka Ken Shizuoka Shi Shimizu Ku Kanbara 5202 Banchi
電話番号 / Tel：(+81) 54-385-4351

4. 実習期間 / Practical Period: 3 年 - 3 Years

5. 技能実習生候補者の情報 / Information of technical intern trainees

番号 No.	名前 Name	生年月日 Date of birth	性別 Gender	職業 Occupation	出国予定日 Estimated departure date
1	LE VAN QUAN	2000/12/04	男 Male	機械加工 - Machining	2023/11/15
2	PHAM THANH DONG	2002/08/15	男 Male	機械加工 - Machining	2023/11/15
3	NGUYEN VAN LAM	2003/08/07	男 Male	機械加工 - Machining	2023/11/15
4	VU QUANG LONG	2004/09/18	男 Male	機械加工 - Machining	2023/11/15

このリストの効力は作成日以降 1 年間とします。
This letter of recommendation shall be valid for 01 year.

2023 年 05 月 22 日　作成
海外労働管理局 / Department of Overseas Labour
名前・役職：日本、東南アジア部　部長 / Head of Division for Japan, Southeast Asia

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Số: **13276/2023**/NBĐNA-PTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2023

PHIẾU TRẢ LỜI
Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động (TTSKN1/2)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng
(CHCQT)

Cục Quản lý lao động ngoài nước đồng ý để Công ty thực hiện hợp đồng đã đăng ký theo Đăng ký hợp đồng số 132/ĐKHĐ ngày 11-05-2023 với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (CHCQT)**
   Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số: 1912; ngày cấp: 23-12-2021
2. Hợp đồng ký với đối tác: **TOKAI KOINONIA KYODO KUMIAI** , ngày 03-03-2022
3. Người sử dụng lao động: KABUSHIKIGAISHA MARUYA SUISAN
4. Nước đến làm việc: Nhật Bản
5. Thời hạn hợp đồng: 3 năm
6. Trợ cấp đào tạo: 60.000 JPY/tháng
7. Mức lương cơ bản: 163.627 JPY/tháng
8. Vé máy bay: Xí nghiệp tiếp nhận Nhật Bản đài thọ vé máy bay 2 chiều
9. Số lượng: 2 người; trong đó nữ: 2 người
10. Cơ cấu nghề: Các ngành nghề được tiếp nhận TTSKN số 1-2 theo quy định của Nhật Bản
11. Phí dịch vụ: 10.000.000 VNĐ; quỹ HTVLNN 100.000 VNĐ; Các chi phí khác: Khám sức khỏe: 1.500.000 VNĐ; Hộ chiếu: 200.000 VNĐ (TTS tự chi trả); Phí visa: 520.000 VNĐ

Cục Quản lý lao động ngoài nước thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu NBĐNA (danh)

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Nguyễn Thị Ánh Hằng

〈別添 3〉 /<Attachment 3>

技能実習生候補者のリスト
LIST OF SENT TECHNICAL INTERN TRAINEES

1. ベトナムの認定送出機関の情報 / Information of Vietnamese company

企業名/ Name of Company：CHAU HUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY (CHCQT)
認定番号/ License No. ： 24/LĐTBXH-GP
代表者名/ Name of Representative： TRINH MINH HANG
住所：ベトナム、Hung Yen 省、Van Lam 県、Nhu Quynh 町、Nhu Quynh 字
Address: Nhu Quynh Village, Nhu Quynh Town, Van Lam District, Hung Yen Province, Vietnam
電話番号/ Tel：0815-680-990

2. 日本の監理団体の情報 / Information of Japanese supervising organization

監理団体名/ Name：東海コイノニア協同組合 – TOKAI KOINONIA KYODOKUMIAI
代表者名 / Name of Representative：増田　泰一 – MASUDA YASUKAZU
住所：静岡県沼津市千本緑町 1-22-1
Address: Shizuoka Ken Numazu Shi Senbonmidori Machi 1-22-1
電話番号 / Tel：(+81)55-900-9349

3. 日本の実習実施者の情報 / Information of Japanese implementing organization

実習実施者名 / Name：株式会社マルヤ水産 – KABUSHIKIGAISHA MARUYA SUISAN
代表者名 / Name of Representative：藁科　正美 - WARASHINA MASAMI
住所：静岡県沼津市千本港町 2 番地
Address：Shizuoka Ken Numazu Shi Senbonminato Machi 2 Banchi
電話番号 / Tel：(+81) 55-951-0008

4. 実習期間 / Practical Period: 3 年 - 3 Years

5. 技能実習生候補者の情報 / Information of technical intern trainees

番号 No.	名前 Name	生年月日 Date of birth	性別 Gender	職業 Occupation	出国予定日 Estimated departure date
1	NGUYEN THI SAO	1998/04/09	女 Female	非加熱性水産加工食品製造業 Non – Heated fishery processed foodstuff manufacturing work	2023/11/15
2	NGUYEN THI TIEN	1991/03/10	女 Female	非加熱性水産加工食品製造業 Non – Heated fishery processed foodstuff manufacturing work	2023/11/15

このリストの効力は作成日以降 1 年間とします。
This letter of recommendation shall be valid for 01 year.

2023 年 05 月 22 日　作成

海外労働管理局 / Approved by Department of Overseas Labour (DOLAB)
名前・役職：日本、東南アジア部　部長 / Head of Division for Japan, Southeast Asia

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Số: **13275/2023**/NBĐNA-PTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2023

PHIẾU TRẢ LỜI
Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động (TTSKN1/2)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng
(CHCQT)

Cục Quản lý lao động ngoài nước đồng ý để Công ty thực hiện hợp đồng đã đăng ký theo Đăng ký hợp đồng số 130/ĐKHĐ ngày 11-05-2023 với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (CHCQT)**
   Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số: 1912; ngày cấp: 23-12-2021
2. Hợp đồng ký với đối tác: **SHIZUOKA SHISHIMIZU SHOUKOUKAI**, ngày 03-03-2022
3. Người sử dụng lao động: KANTO SEIKAN TOSO YUGENGAISHA
4. Nước đến làm việc: Nhật Bản
5. Thời hạn hợp đồng: 3 năm
6. Trợ cấp đào tạo: 60.000 JPY/tháng
7. Mức lương cơ bản: 163.627 JPY/tháng
8. Vé máy bay: Xí nghiệp tiếp nhận Nhật Bản đài thọ vé máy bay 2 chiều
9. Số lượng: 2 người; trong đó nữ: 0 người
10. Cơ cấu nghề: Các ngành nghề được tiếp nhận TTSKN số 1-2 theo quy định của Nhật Bản
11. Phí dịch vụ: 10.000.000 VNĐ; quỹ HTVLNN 100.000 VNĐ; Các chi phí khác: Khám sức khỏe: 1.500.000 VNĐ; Hộ chiếu: 200.000 VNĐ (TTS tự chi trả); Phí visa: 520.000 VNĐ

Cục Quản lý lao động ngoài nước thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu NBĐNA (danh)

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Nguyễn Thị Ánh Hằng

〈別添 3〉 / <Attachment 3>

技能実習生候補者のリスト
LIST OF SENT TECHNICAL INTERN TRAINEES

1. ベトナムの認定送出機関の情報 / Information of Vietnamese company

企業名/ Name of Company：CHAU HUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY (CHCQT)
認定番号/ License No. ： 24/LĐTBXH-GP
代表者名/ Name of Representative： TRINH MINH HANG
住所：ベトナム、Hung Yen 省、Van Lam 県、Nhu Quynh 町、Nhu Quynh 字
Address: Nhu Quynh Village, Nhu Quynh Town, Van Lam District, Hung Yen Province, Vietnam
電話番号 / Tel：0815-680-990

2. 日本の監理団体の情報 / Information of Japanese supervising organization

監理団体名/ Name：静岡市清水商工会 – SHIZUOKASHI SHIMIZU SHOKOKAI
代表者名 / Name of Representative：前澤　侑 – MAEZAWA SUSUMU
住所：静岡県静岡市清水区興津中町 1904 番地
Address: Shizuoka Ken Shizuoka Shi Shimizu Ku Okitsunaka Cho 1904 Banchi
電話番号 / Tel：(+81) 54-369-0431

3. 日本の実習実施者の情報 / Information of Japanese implementing organization

実習実施者名 / Name：関東清缶塗装有限会社 – KANTO SEIKAN TOSO YUGENGAISHA
代表者名 / Name of Representative： 望月　久美子 – MOCHIZUKI KUMIKO
住所：静岡県静岡市清水区蒲原堰沢 175 番地
Address：Shizuoka Ken Shizuoka Shi Shimizu Ku Kanbara Segizawa 175 Banchi
電話番号 / Tel：(+81) 54-385-2217

4. 実習期間 / Practical Period: 3 年 - 3 Years

5. 技能実習生候補者の情報 / Information of technical intern trainees

番号 No.	名前 Name	生年月日 Date of birth	性別 Gender	職業 Occupation	出国予定日 Estimated departure date
1	NGUYEN VAN KHOE	1998/11/17	男 Male	塗装 - Painting	2023/11/15
2	TRANG VAN CUONG	1994/09/09	男 Male	塗装 - Painting	2023/11/15

このリストの効力は作成日以降 1 年間とします。
This letter of recommendation shall be valid for 01 year.

2023 年 05 月 22 日　作成
海外労働管理局 / Department of Overseas Labour
名前・役職：日本、東南アジア部　部長 / Head of Division for Japan, Southeast Asia

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Số: **13202/2023**/NBĐNA-PTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2023

PHIẾU TRẢ LỜI
Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động (TTSKN1/2)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng
(CHCQT)

Cục Quản lý lao động ngoài nước đồng ý để Công ty thực hiện hợp đồng đã đăng ký theo Đăng ký hợp đồng số 134/ĐKHĐ ngày 11-05-2023 với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (CHCQT)**
   Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số: 1912; ngày cấp: 23-12-2021
2. Hợp đồng ký với đối tác: **KYODO KUMIAI CENTRAL BUSINESS NET 協同組合セントラルビジネスネット 1706000706** , ngày 03-03-2022
3. Người sử dụng lao động: KABUSHIKIGAISHA YAMAKITA SEISAKUSHO
4. Nước đến làm việc: Nhật Bản
5. Thời hạn hợp đồng: 3 năm
6. Trợ cấp đào tạo: 60.000 JPY/tháng
7. Mức lương cơ bản: 157.137 JPY/tháng
8. Vé máy bay: Xí nghiệp tiếp nhận Nhật Bản đài thọ 2 chiều
9. Số lượng: 6 người; trong đó nữ: 0 người
10. Cơ cấu nghề: Các ngành nghề được tiếp nhận TTSKN số 1-2 theo quy định của Nhật Bản
11. Phí dịch vụ: 10.000.000 VNĐ; quỹ HTVLNN 100.000 VNĐ; Khám sức khỏe: 1.500.000 VNĐ; Phí visa: 520.000 VNĐ

Cục Quản lý lao động ngoài nước thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu NBĐNA (danh)

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Nguyễn Thị Ánh Hằng

〈別添 3〉 / <Attachment 3>

技能実習生候補者のリスト

LIST OF SENT TECHNICAL INTERN TRAINEES

1. ベトナムの認定送出機関の情報 / Information of Vietnamese company

企業名/ Name of Company : CHAU HUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY (CHCQT)

認定番号/ License No. : 24/LĐTBXH-GP

代表者名/ Name of Representative : TRINH MINH HANG

住所：ベトナム、Hung Yen 省、Van Lam 県、Nhu Quynh 町、Nhu Quynh 字

Address: Nhu Quynh Village, Nhu Quynh Town, Van Lam District, Hung Yen Province, Vietnam

電話番号 / Tel：0815-680-990

2. 日本の監理団体の情報 / Information of Japanese supervising organization

監理団体名/ Name：協同組合セントラルビジネスネット- KYODOKUMIAI CENTRAL BUSINESS NET

代表者名 / Name of Representative：久保田　勝利 - KUBOTA KATSUTOSHI

住所：静岡県静岡市清水区下野東 4 番 1 号

Address: Shizuoka Ken Shizuoka Shi Shimizu Ku Shimonohigashi 4 Ban 1 Go

電話番号 / Tel：(+81) 54-366-2313

3. 日本の実習実施者の情報 / Information of Japanese implementing organization

実習実施者名 / Name：株式会社山北製作所– KABUSHIKIGAISHA YAMAKITA SEISAKUSHO

代表者名 / Name of Representative：山北　裕丈 – YAMAKITA HIROTAKE

住所：静岡県静岡市清水区堀込 647

Address：Shizuoka Ken Shizuoka Shi Shimizu Ku Horigome 647

電話番号 / Tel：(+81) 54-345-8098

4. 実習期間 / Practical Period: 3 年 - 3 Years

5. 技能実習生候補者の情報 / Information of technical intern trainees

番号 No.	名前 Name	生年月日 Date of birth	性別 Gender	職業 Occupation	出国予定日 Estimated departure date
1	LE TUAN ANH	2001/09/19	男 Male	金属プレス加工 Metal press	2023/11/15
2	BIEN VAN QUANG	2002/08/16	男 Male	金属プレス加工 Metal press	2023/11/15
3	NGUYEN HAI HAU	1999/11/19	男 Male	金属プレス加工 Metal press	2023/11/15
4	NGUYEN HUU HIEU	1994/06/13	男 Male	金属プレス加工 Metal press	2023/11/15
5	VU MANH CUONG	1997/01/22	男 Male	金属プレス加工 Metal press	2023/11/15
6	TRAN VAN DUYEN	2001/09/04	男 Male	金属プレス加工 Metal press	2023/11/15

このリストの効力は作成日以降 1 年間とします。

This letter of recommendation shall be valid for 01 year.

2023 年 05 月 22 日　作成

海外労働管理局 / Approved by Department of Overseas Labour (DOLAB)

名前・役職：日本、東南アジア部　部長 / Head of Division for Japan, Southeast Asia

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Số: **12458/2023**/NBĐNA-PTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2023

PHIẾU TRẢ LỜI
Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động (TTSKN1/2)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (**CHCQT**)

Cục Quản lý lao động ngoài nước đồng ý để Công ty thực hiện hợp đồng đã đăng ký theo Đăng ký hợp đồng số 136/ĐKHĐ ngày 15-05-2023 với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (CHCQT)**

Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số: 1912; ngày cấp: 23-12-2021

2. Hợp đồng ký với đối tác: **KYODO KUMIAI NTI 協同組合エヌ・ティー・アイ**, ngày 10-01-2022
3. Người sử dụng lao động: YUGENGAISYA AKABAE GUMI
4. Nước đến làm việc: Nhật Bản
5. Thời hạn hợp đồng: 3 năm
6. Trợ cấp đào tạo: 60.000 JPY/tháng
7. Mức lương cơ bản: 198.000 JPY/ tháng
8. Vé máy bay: Xí nghiệp tiếp nhận Nhật Bản đài thọ 2 chiều
9. Số lượng: 3 người; trong đó nữ: 0 người
10. Cơ cấu nghề: Các ngành nghề được tiếp nhận TTSKN số 1-2 theo quy định của Nhật Bản
11. Phí dịch vụ: 10.000.000 VNĐ; quỹ HTVLNN 100.000 VNĐ; Các chi phí khác: Phí visa: 520.000 VNĐ

Cục Quản lý lao động ngoài nước thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu NBĐNA.
(THANHTAM)

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

1458

（別添 3）/(Attachment 3)

技能実習生候補者のリスト

LIST OF SENT TECHNICAL INTERN TRAINEES

1.ベトナムの認定送出機関の情報 / Information of Vietnamese company

企業名/ Name： CHAU HUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY (CHCQT)

認定番号/ License No.: 24/LDTBXH-GP

代表者名/ Name of Representative: TRINH MINH HANG

住所：VIET NAM 国、HUNG YEN省、VAN LAM 郡、NHU QUYNH 町、NHU QUYNH 村

Address: Nhu Quynh Village, Nhu Quynh Townlet, Van Lam District, Hung Yen Province, Vietnam

電話番号/ Tel: 0815680990

2.日本の監理団体の情報 / Information of Japanese supervising organization

監理団体名/ Name：協同組合エヌ・ティー・アイ - KYODOU KUMIAI NTI

許可番号/ License No.:

代表者名/ Name of Representative: 理事長　　多田和茂 - TADA KAZUSHIGE

住所：：〒940-2023 新潟県長岡市蓮潟 5-5-17

Address: 940-2023 Niigata, Nagaoka, Hasugata 5-5-17

電話番号/ Tel: Tel: 0258-27-3310　　Fax: 0258-27-3320

3.日本の実習実施者の情報 / Information of Japanese implementing organization

実習実施者名/ Name：有限会社 赤波江組 – YUGENGAISYA AKABAE GUMI

代表者名/ Name of Representative: 大居　靖男 - YASUO OI

住所：神奈川県横浜市南区六ツ川 4-1142-12-102

Address: Kanagawa ken, Yokohama shi, Minami ku, Mutsukawa 4-1142-12-102

電話番号/ Tel: 045-828-5857

4.実習期間 / Practical Period： 03 年 / 03 years.

5.技能実習生候補者の情報 / Information of technical intern trainees

No	名前 Name	生年月日 Date of birth	性別 Gender	職業 Occupation	出国予定日 Estimated departure date
1	TRAN VAN BAC	1993 年 06 月 22 日	男 Male	とび（とび作業） Scaffolding(Scaffolding building work)	2023 年 08 月 10 日
2	NGUYEN PHAP	2004 年 02 月 10 日	男 Male	とび（とび作業） Scaffolding(Scaffolding building work)	2023 年 08 月 10 日
3	DO HUU THAO	1994 年 03 月 14 日	男 Male	とび（とび作業） Scaffolding(Scaffolding building work)	2023 年 08 月 10 日

このリストの効力は作成日以降１年間とします。

This letter of recommendation shall be valid for 1 year.

2023 年 05 月 22 日

海外労働管理局 (DOLAB)/ Approved by Department of Overseas Labour (DOLAB)

氏名•役職: 日本、東南アジア部　部長/ Head of Division for Japan - Southeast Asia

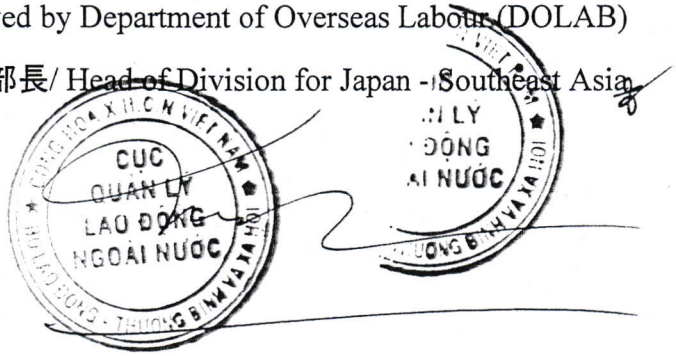

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Số: **12459/2023**/NBĐNA-PTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2023

PHIẾU TRẢ LỜI
Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động (TTSKN1/2)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (**CHCQT**)

Cục Quản lý lao động ngoài nước đồng ý để Công ty thực hiện hợp đồng đã đăng ký theo Đăng ký hợp đồng số 140/ĐKHĐ ngày 15-05-2023 với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (CHCQT)**

Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số: 1912; ngày cấp: 23-12-2021

2. Hợp đồng ký với đối tác: **KYODO KUMIAI NTI 協同組合エヌ・ティー・アイ**, ngày 10-01-2022
3. Người sử dụng lao động: KABUSHIKIGAISHA DAIZEN
4. Nước đến làm việc: Nhật Bản
5. Thời hạn hợp đồng: 3 năm
6. Trợ cấp đào tạo: 60.000 JPY/tháng
7. Mức lương cơ bản: 199.500 JPY/ tháng
8. Vé máy bay: Xí nghiệp tiếp nhận Nhật Bản đài thọ 2 chiều
9. Số lượng: 2 người; trong đó nữ: 0 người
10. Cơ cấu nghề: Các ngành nghề được tiếp nhận TTSKN số 1-2 theo quy định của Nhật Bản
11. Phí dịch vụ: 10.000.000 VNĐ; quỹ HTVLNN 100.000 VNĐ; Các chi phí khác: Phí visa: 520.000 VNĐ

Cục Quản lý lao động ngoài nước thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu NBĐNA.
(THANHTAM)

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

1959

（別添 3）/(Attachment 3)

技能実習生候補者のリスト

LIST OF SENT TECHNICAL INTERN TRAINEES

1.ベトナムの認定送出機関の情報 / Information of Vietnamese company

企業名/ Name： CHAU HUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY (CHCQT)

認定番号/ License No.: 24/LDTBXH-GP

代表者名/ Name of Representative: TRINH MINH HANG

住所：VIET NAM 国、HUNG YEN 省、VAN LAM 郡、NHU QUYNH 町、NHU QUYNH 村

Address: Nhu Quynh Village, Nhu Quynh Townlet, Van Lam District, Hung Yen Province, Vietnam

電話番号/ Tel: 0815680990

2.日本の監理団体の情報 / Information of Japanese supervising organization

監理団体名/ Name：協同組合エヌ・ティー・アイ - KYODOU KUMIAI NTI

許可番号/ License No.:

代表者名/ Name of Representative: 理事長　　多田和茂 - TADA KAZUSHIGE

住所：：〒940-2023 新潟県長岡市蓮潟 5-5-17

Address: 940-2023 Niigata, Nagaoka, Hasugata 5-5-17

電話番号/ Tel: Tel: 0258-27-3310　　Fax: 0258-27-3320

3.日本の実習実施者の情報 / Information of Japanese implementing organization

実習実施者名/ Name：株式会社 ダイゼン – KABUSHIKIGAISHA DAIZEN

代表者名/ Name of Representative: 大居 善三 - ZENZO OI

住所：神奈川県横浜市南区大岡 1-4-12-101

Address: Kanagawaken, Yokohama shi, Minamiku, Ooka 101-12-4-1

電話番号/ Tel: 045-306-7434

4.実習期間 / Practical Period： 03 年 / 03 years.

5.技能実習生候補者の情報 / Information of technical intern trainees

No	名前 Name	生年月日 Date of birth	性別 Gender	職業 Occupation	出国予定日 Estimated departure date
1	TRINH KHAC THANG	1999 年 01 月 14 日	男 Male	とび（とび作業） Scaffolding(Scaffolding building work)	2023 年 08 月 10 日
2	NGUYEN CONG THAI	1999 年 09 月 19 日	男 Male	とび（とび作業） Scaffolding(Scaffolding building work)	2023 年 08 月 10 日

このリストの効力は作成日以降 1 年間とします。

This letter of recommendation shall be valid for 1 year.

2023 年 05 月 22 日

海外労働管理局 (DOLAB)/ Approved by Department of Overseas Labour (DOLAB)

氏名•役職: 日本、東南アジア部　部長/ Head of Division for Japan - Southeast Asia

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Số: **14720/2023**/NBĐNA-PTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2023

PHIẾU TRẢ LỜI
Đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động (TTSKN1/2)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng
(**CHCQT**)

Cục Quản lý lao động ngoài nước đồng ý để Công ty thực hiện hợp đồng đã đăng ký theo Đăng ký hợp đồng số 158/ĐKHĐ ngày 25-05-2023 với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Quốc tế Châu Hưng (CHCQT)**
   Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số: 1912; ngày cấp: 23-12-2021
2. Hợp đồng ký với đối tác: **KYODO KUMIAI CENTRAL BUSINESS NET 協同組合セントラルビジネスネット 1706000706** , ngày 03-03-2022
3. Người sử dụng lao động: KABUSHIKIGAISHA TAKI SOKO
4. Nước đến làm việc: Nhật Bản
5. Thời hạn hợp đồng: 3 năm
6. Trợ cấp đào tạo: 60.000 JPY/tháng
7. Mức lương cơ bản: 163.800 JPY/tháng
8. Vé máy bay: Xí nghiệp tiếp nhận Nhật Bản đài thọ 2 chiều
9. Số lượng: 4 người; trong đó nữ: 4 người
10. Cơ cấu nghề: Các ngành nghề được tiếp nhận TTSKN số 1-2 theo quy định của Nhật Bản
11. Phí dịch vụ: 10.000.000 VNĐ; quỹ HTVLNN 100.000 VNĐ; Các chi phí khác: Khám sức khỏe: 1.500.000 VNĐ; Hộ chiếu: 200.000 VNĐ (lao động tự chi trả); Phí visa. 520.000 VND

Cục Quản lý lao động ngoài nước thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
Như trên;
- Lưu NBĐNA (danth)

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG NHẬT BẢN, ĐÔNG NAM Á
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

Nguyễn Thị Ánh Hằng

〈別添 3〉/ <Attachment 3>

技能実習生候補者のリスト
LIST OF SENT TECHNICAL INTERN TRAINEES

1. ベトナムの認定送出機関の情報 / Information of Vietnamese company

企業名/ Name of Company：CHAU HUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY (CHCQT)
認定番号/ License No. ： 24/LĐTBXH-GP
代表者名/ Name of Representative： TRINH MINH HANG
住所：ベトナム、Hung Yen 省、Van Lam 県、Nhu Quynh 町、Nhu Quynh 字
Address: Nhu Quynh Village, Nhu Quynh Town, Van Lam District, Hung Yen Province, Vietnam
電話番号 / Tel：0815-680-990

2. 日本の監理団体の情報 / Information of Japanese supervising organization

監理団体名/ Name：協同組合セントラルビジネスネット– KYODOKUMIAI CENTRAL BUSINESS NET
代表者名 / Name of Representative：久保田　勝利 – KUBOTA KATSUTOSHI
住所：静岡県静岡市清水区下野東 4 番 1 号
Address: Shizuoka Ken Shizuoka Shi Shimizu Ku Shimonohigashi 4 Ban 1 Go
電話番号 / Tel：(+81) 54-366-2313

3. 日本の実習実施者の情報 / Information of Japanese implementing organization

実習実施者名 / Name：株式会社タキ倉庫 – KABUSHIKIGAISHA TAKISOKO
代表者名 / Name of Representative：瀧　康晃 – TAKI YASUAKI
住所：静岡県静岡市清水区吉川 417-1
Address：Shizuoka Ken Shizuoka Shi Shimizu Ku Kikkawa 417-1
電話番号 / Tel：(+81) 54-345-0448

4. 実習期間 / Practical Period: 3 年 - 3 Years

5. 技能実習生候補者の情報 / Information of technical intern trainees

番号 No.	名前 Name	生年月日 Date of birth	性別 Gender	職業 Occupation	出国予定日 Estimated departure date
1	HA THU HIEN	2001/02/18	女 Female	工業包装 Industrial packaging	2023/11/15
2	NGUYEN THI THAO	2002/11/02	女 Female	工業包装 Industrial packaging	2023/11/15
3	NGUYEN THI HUYEN	1998/11/18	女 Female	工業包装 Industrial packaging	2023/11/15
4	VU THI HIEN	2004/07/09	女 Female	工業包装 Industrial packaging	2023/11/15

このリストの効力は作成日以降 1 年間とします。
This letter of recommendation shall be valid for 01 year.

2023 年　06 月　06 日　作成
海外労働管理局 / Approved by Department of Overseas Labour (DOLAB)
名前・役職：日本、東南アジア部　部長 / Head of Division for Japan, Southeast Asia